

Bản án số: **51/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 07 - 5 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung;
Ông Phạm Công Gia.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tăng Thị Ái T, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 09, ấp 4, xã PA, huyện TP, ĐN.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1, sinh ngày 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã NT, huyện TP, ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2021, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Tăng Thị Ái T thể hiện:

Chị và anh Nguyễn Đức T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào ngày 09/7/2019. Tuy nhiên, vợ chồng không kê khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân địa phương mà chỉ tổ chức lễ cưới giữa hai bên gia đình. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên giữa chị và anh T1 thường xuyên nảy sinh xích mích. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 (một) con chung là Tăng Ngọc Khả H, sinh ngày 15/4/2020. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu H và yêu cầu anh

T1 cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai báo không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình tố tụng của bị đơn anh Nguyễn Đức T1 thể hiện:

Anh và chị Tăng Thị Ái T tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới sống chung vào ngày 09/7/2019. Anh T1 không có kê khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân địa phương nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung không mấy hạnh phúc, nguyên nhân do anh và chị T thường hay bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 (một) con chung là Tăng Ngọc Khả H, sinh ngày 15/4/2020, cháu Hân mang họ mẹ. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H thì anh cũng đồng ý và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 khai báo không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Sổ hộ khẩu thường trú của gia đình (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân của chị T, anh T1 (bản sao); Giấy khai sinh (bản sao). Tòa án đã T thập tài liệu, chứng cứ tại xã NT và xã PA, huyện Tân Phú. Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là vợ chồng vì anh chị không đăng ký kết hôn.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh T1 có 01 (một) con chung là Tăng Ngọc Khả H, sinh ngày 15/4/2020. Giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị T, anh T1 phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh T1 có địa chỉ tại ấp 2, xã NT, huyện TP, ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án Tộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1, tranh chấp về nuôi con vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 01/4/2021, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị T là nguyên đơn, anh T1 là bị đơn trong vụ án.

- Chị T, anh T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện sống chung với nhau vào ngày 09/7/2019, có tổ chức lễ cưới nhưng không kê khai đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân của anh chị không mấy hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T1 có người phụ nữ khác nên vợ chồng thường hay xích mích cãi cọ nhau, anh T1 không còn quan tâm tới mẹ con chị nữa. Nay tình cảm vợ chồng sống không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1. Yêu cầu ly hôn của chị T được anh T1 đồng ý chấp nhận.

Do chị T, anh T1 sống chung như vợ chồng mà không kê khai đăng ký kết hôn là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân – Gia đình 2014. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi thành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án T thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Chị T, anh T1 không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T1 có 01 (một) con chung là Tăng Ngọc Khả H, sinh ngày 15/4/2020, cháu H mang họ mẹ.

Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, anh T1 đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hân mỗi tháng một 1.000.000đ cho đến khi cháu Hân đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Hiện tại cháu H dưới 36 tháng tuổi nên chị T là người có quyền nuôi dưỡng cháu H theo quy định của pháp luật. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 5/2021.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 kê khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T và anh T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 của Quốc hội;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Tăng Thị Ái T và anh Nguyễn Đức T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 (một) con chung là Tăng Ngọc Khả H, sinh ngày 15/4/2020.

Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tăng Ngọc Khả H, sinh ngày 15/4/2020. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2021. Anh T1 có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Tăng Thị Ái T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn, anh Nguyễn Đức T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai T số 002006 ngày 07/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tăng Thị Ái T và anh Nguyễn Đức T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người chơi được thi hành án dân sự, người chơi phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi